TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-7-2024
"V/v Ly hôn giữa chị D và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị D, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp c, xã N, huyện An B, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Lâm Thị D trình bày như sau:

Chị Lâm Thị D (gọi tắt là chị D) và anh Huỳnh Văn T (gọi tắt là anh T) chung sống với nhau vào năm 2023 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 14/03/2023.

Chị D trình bày trước khi kết hôn với anh T chị D đã trải qua một cuộc hôn nhân và đã ly hôn cách nay 18 năm. Sau đó do anh em mai mối nên đã quen anh T trong thời ngắn thì đi đến kết hôn. Tuy nhiên khi về sống chung thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T có tính gia trưởng, khó khăn hà khắc với chị D làm cho cuộc sống chung rất ngột ngạt, quan điểm sống của hai người cũng khác nhau nên hôn nhân không có hạnh phúc. Anh chị đã tự sống ly thân khoảng 08 tháng và trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm tới nhau cũng như không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể kéo dài nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung của vợ chồng: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Huỳnh Văn T vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị D.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy chứng minh nhân dân (Bản công chứng). Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Anh Huỳnh Văn T đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị D xin ly hôn với anh T nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn".

Chị D và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D. Qua lời trình bày cảu chị D sau kết hôn anh chị chỉ chung sống được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh T có tính gia trưởng, khó khăn hà khắc với vợ, cuộc sống chung ngột ngạt, hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng tự sống ly thân với nhau khoảng 08 tháng. Hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau và hôn nhân không thể kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải để hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D đều xin được ly hôn. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị D giải quyết cho chị D ly hôn với anh T**.**

Về con chung: Chị D và anh T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị D xác định không có, các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị D xác định không có, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị D là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lâm Thị D và anh Huỳnh Văn T.

2. Về con chung: Chị Lâm Thị D và anh Huỳnh Văn T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lâm Thị D xác định không có, không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5.Về án phí: Chị Lâm Thị D có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003194 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lâm Thị D đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 08/7/2024, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Yên ;
- Lưu, HS, VP.